

Số: **97**/BC-PTCKH

Tiểu Cần, ngày **15** tháng **7** năm **2022**

## BÁO CÁO

### **Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý II và 6 tháng đầu năm 2022**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 36/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Tiểu Cần khóa X về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

Căn cứ Nghị quyết 37/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Tiểu Cần khóa X về phê duyệt dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu- chi ngân sách huyện, xã, thị trấn năm 2022 ;

Căn cứ Quyết định số 8725/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý II và 6 tháng đầu năm 2022, cụ thể như sau:

#### **I/. Thu ngân sách:**

**\* Tổng thu NSNN quý II năm 2022: 177.416 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022: 316.315 triệu đồng đạt 64,90%, giảm 10,69% so cùng kỳ năm trước, trong đó:**

**1/. Thu nội địa quý II: 16.358 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 31.514 triệu đồng đạt 63,03% so với dự toán năm 2022, giảm 18,84% so cùng kỳ năm trước, cụ thể:**



- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: thực hiện 8 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 là 38 triệu đồng đạt 5,36% so với dự toán năm 2022, giảm 89,53% so cùng kỳ năm trước;

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: thực hiện 4.096 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 là 8.698 triệu đồng đạt 57,98% so với dự toán năm 2022, giảm 6,82% so cùng kỳ năm trước;

- Thuế thu nhập cá nhân: thực hiện 3.307 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022: 6.821 triệu đồng đạt 68,21% so với dự toán năm 2022 giảm 2,75% so cùng kỳ năm trước;

- Lệ phí trước bạ: thực hiện 2.621 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2021: 5.506 triệu đồng đạt 52,44% so với dự toán năm 2022, giảm 2,75% so cùng kỳ năm trước;

- Phí, lệ phí: thực hiện 160 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022: 1.066 triệu đồng đạt 48,47% so với dự toán năm 2022 giảm 48,68% so cùng kỳ năm trước.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: lũy kế 6 tháng đầu năm 2022: 15 triệu đồng đạt 3,11% so với dự toán năm 2022;

- Thu tiền sử dụng đất: thực hiện 5.397 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022: 7.756 triệu đồng đạt 193,91% so với dự toán năm 2021, tăng 90,59% so cùng kỳ.

- Thu khác ngân sách: thực hiện 2.123 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022: 5.339 triệu đồng đạt 118,63% so với dự toán năm 2022 giảm 15,72% so cùng kỳ năm trước;

**2/. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang:** lũy kế 6 tháng đầu năm 2022: 54.809 triệu đồng.

**3/. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:** 160.793 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022: 229.993 triệu đồng đạt 52,79% so dự toán năm 2022, tăng 8,48% so cùng kỳ năm trước.

**\* Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp:** 160.793 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022: 229.993 triệu đồng đạt 52,79% so với dự toán năm 2022, tăng 8,48% so cùng kỳ năm trước.

## **II. Chi ngân sách:**

Tổng chi ngân sách huyện quý II năm 2022: 151.641 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022: 235.569 triệu đồng đạt 48,53% so với dự toán năm 2022, tăng 0,27% so cùng kỳ năm trước trong đó:

**1. Chi đầu tư phát triển:** thực hiện 26.839 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 là 33.138 triệu đồng đạt 74,8% so với dự toán năm 2022, giảm 53,17% so cùng kỳ năm trước.

**2. Chi thường xuyên:** thực hiện 85.461 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022: là 157.898 triệu đồng đạt 38,37% so với dự toán năm 2022, giảm 2,28% so cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: thực hiện 41.163 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 là 80.402 triệu đồng đạt 37,02% so với dự toán năm 2022, tăng 4,71% so cùng kỳ năm trước;

- Chi khoa học công nghệ: thực hiện 155 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 là 155 triệu đồng đạt 17,21% so với dự toán năm 2022, tăng 91,54% so cùng kỳ năm trước;

- Chi sự nghiệp văn hóa và thông tin: thực hiện 760 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 là 1.328 triệu đồng đạt 33,29% so với dự toán năm 2022, tăng 14,92% so cùng kỳ năm trước;

- Chi sự nghiệp môi trường: thực hiện 654 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 là 694 triệu đồng đạt 34,93% so với dự toán năm 2022, tăng 258,92% so cùng kỳ năm trước;

- Chi hoạt động kinh tế: thực hiện 1.297 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 là 2.740 triệu đồng đạt 6,16% so với dự toán năm 2022, giảm 83,88% so cùng kỳ năm trước;

- Chi hoạt động quản lý hành chính, đảng, đoàn thể: thực hiện 22.258 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 là 42.231 triệu đồng đạt 49,94% so với dự toán năm 2022, giảm 5,08% so cùng kỳ năm trước;

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: thực hiện 12.283 triệu đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 là 22.612 triệu đồng đạt 74,45% so với dự toán năm 2022, tăng 83,43% so cùng kỳ năm trước.


### III/. Đánh giá chung:

\* Về thu ngân sách: thu ngân sách trong cân đối đạt 63,03% so dự toán HĐND huyện giao, giảm 18,84% so cùng kỳ năm trước.

\* Về chi ngân sách: nhìn chung tổng chi ngân sách huyện không vượt so chỉ tiêu giao, đảm bảo chi trong dự toán ngân sách và có tiết kiệm, chi thường xuyên đảm bảo theo tiến độ công việc.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý II và 6 tháng đầu năm 2022 (chi tiết theo Biểu số 93,94,95/CK-NSNN kèm theo)./.

#### Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- Lưu: VT. 

**TR. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG!**



*Trần Thị Đẹp*



**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số 93/BC-PTCKH ngày 15/7/2022 của phòng Tài chính -KH)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2022	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1			3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>493.159</b>	<b>177.416</b>	<b>316.315</b>	<b>64,14</b>	<b>89,31</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>50.000</b>	<b>16.358</b>	<b>31.514</b>	<b>63,03</b>	<b>81,16</b>
1	Thu nội địa	50.000	16.358	31.514	63,03	81,16
2	Thu viện trợ					0,00
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>265</b>	<b>54.809</b>		<b>53,03</b>
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>435.659</b>	<b>160.793</b>	<b>229.993</b>	<b>52,79</b>	<b>108,48</b>
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>	<b>7.500</b>				
<b>V</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>					
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>485.459</b>	<b>151.641</b>	<b>235.569</b>	<b>48,53</b>	<b>100,27</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>465.070</b>	<b>151.641</b>	<b>230.377</b>	<b>49,54</b>	<b>99,16</b>
1	Chi đầu tư phát triển	44.300	26.839	33.138	74,80	46,83
2	Chi thường xuyên	411.540	85.461	157.898	38,37	97,72
3	Dự phòng ngân sách	9.230			0,00	
4	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		39.341	39.341		
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>	<b>20.389</b>		<b>5.192</b>	<b>25,46</b>	<b>199,86</b>
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022</b>					

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số 98/BC-PTCKH ngày 15/7/2022 của phòng Tài chính -KH)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2022	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1			3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>485.459</b>	<b>151.641</b>	<b>235.569</b>	<b>48,53</b>	<b>100,27</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>465.070</b>	<b>151.641</b>	<b>230.377</b>	<b>49,54</b>	<b>99,16</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>44.300</b>	<b>26.839</b>	<b>33.138</b>	<b>74,80</b>	<b>46,83</b>
1	Chi đầu tư phát triển	44.300	26.839	33.138	74,80	46,83
2	Chi đầu tư phát triển khác					
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>411.540</b>	<b>85.461</b>	<b>157.898</b>	<b>38,37</b>	<b>97,72</b>
	<i>Trong đó:</i>					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	217.168	41.163	80.402	37,02	104,71
2	Chi khoa học và công nghệ	900	155	155	17,21	191,54
3	Chi văn hóa thông tin	3.718	760	1.238	33,29	114,92
4	Chi phát thanh, truyền hình					
5	Chi thể dục thể thao	1.038	413	487	46,90	302,15
6	Chi bảo vệ môi trường	1.986	654	694	34,93	358,92
7	Chi hoạt động kinh tế	44.478	1.297	2.740	6,16	16,12
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	84.568	22.258	42.231	49,94	94,92
9	Chi bảo đảm xã hội	30.370	12.283	22.612	74,45	183,43
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>9.230</b>			<b>0,00</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi nộp trả ngân sách cấp trên</b>		<b>39.341</b>	<b>39.341</b>		
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>20.389</b>	<b>0</b>	<b>5.192</b>	<b>25,46</b>	<b>199,86</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	20.389		5.192	25,46	199,86
<b>C</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN CHUYỂN NGUỒN NĂM 2021 SANG NĂM 2022</b>					

\* Ghi chú: Số chi đã loại trừ chi bổ sung cho ngân sách cấp xã 29.828,061 triệu đồng



**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2022**  
(Kèm theo Báo cáo số 98/BC-PTCKH ngày 15/7/2022 của phòng Tài chính -KH)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2022	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>487.359</b>	<b>177.416</b>	<b>316.315</b>	<b>64,90</b>	<b>89,31</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>50.000</b>	<b>16.358</b>	<b>31.514</b>	<b>63,03</b>	<b>81,16</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	700	8	38	5,36	10,47
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	15.000	4.096	8.697	57,98	93,18
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.000	3.307	6.821	68,21	97,25
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Lệ phí trước bạ	11.000	3.097	6.435	58,50	116,88
7	Thu phí, lệ phí	2.200	160	1.066	48,47	51,32
8	Các khoản thu về nhà, đất	4.480	5.397	7.771	173,46	84,44
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	480	0	15	3,11	1.552,87
-	Thu tiền sử dụng đất	4.000	5.397	7.756	193,91	84,28
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
10	Thu khác ngân sách	6.620	291	686	10,36	12,85
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi, công sản khác					-
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>					-
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>265</b>	<b>54.809</b>		<b>53,03</b>
<b>IV</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>435.659</b>	<b>160.793</b>	<b>229.993</b>	<b>52,79</b>	<b>108,48</b>
<b>V</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>					
<b>VI</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>	<b>1.700</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>485.459</b>	<b>177.416</b>	<b>316.315</b>	<b>65,16</b>	<b>99,41</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	20.320	7.399	15.531	76,43	111,55
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	27.780	8.959	15.983	57,53	64,17
3	Thu viện trợ					
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		265	54.809		53,03
5	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	435.659	160.793	229.993	52,79	130,68
6	Thu kết dư ngân sách	1.700				

\* Ghi chú: Số thu đã loại trừ thu bổ sung cho ngân sách cấp xã 29.828,061 triệu đồng